

Số: 120/2026/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 04 tháng 05 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số **147/2026/TLST-HNGĐ** ngày **10/04/2026**, về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Phạm Tuấn A**, sinh ngày 25/03/1976; nơi cư trú: **Thôn B, xã V, tỉnh Tuyên Quang**; CCCD số 008076001018 do **Cục C** về TTXH, **Bộ C1** cấp ngày 09/04/2021; SĐT: 0838012189.

- Bị đơn: Bà **Vương Thị T**, sinh ngày 08/05/1974; nơi cư trú: **Thôn B, xã V, tỉnh Tuyên Quang**; CCCD số 002174000436 do **Cục C** về TTXH, **Bộ C1** cấp ngày 09/04/2021; SĐT: 0825440226.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 07 Điều 26, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **24 tháng 04 năm 2026**

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **24 tháng 04 năm 2026** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn ông **Phạm Tuấn A1** bà **Vương Thị T**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Phạm Tuấn A1** bà **Vương Thị Thanh thuận T1** ly hôn;

- Về việc nuôi con: Ông **Phạm Tuấn A** và bà **Vương Thị T2** nhất thỏa thuận giao cho ông **Phạm Tuấn A2** người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là **Phạm Gia H**, sinh ngày 08/09/2012 cho đến khi cháu **H** đủ 18 tuổi; bà **Vương Thị T** đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho cháu **H** với mức 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 5 năm 2026 cho đến khi cháu **H** đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn bà [Vương Thị T](#) không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con sau khi ly hôn ông [Phạm Tuấn A](#) và bà [Vương Thị T](#) có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản, công nợ chung của vợ chồng: Ông [Phạm Tuấn A1](#) bà [Vương Thị T](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông [Phạm Tuấn A3](#) nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông [Phạm Tuấn A4](#) nộp tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo biên lai số 0000710 ngày 08/04/2026. Ông [Phạm Tuấn A](#) đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự (Đề thi hành);
- VKSND Khu vực 4- Tuyên Quang;
- UBND xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- THA dân sự tỉnh Tuyên Quang(Đề thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Trần Xuân Đạt